

Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh  
Khoa Tâm Lý Học

# PHƯƠNG PHÁP Nghiên Cứu Khoa Học

Huỳnh Mai Trang  
[huynhmaitrang@hcmup.edu.vn](mailto:huynhmaitrang@hcmup.edu.vn)

# NỘI DUNG

- Phương pháp luận nghiên cứu khoa học
- Trình tự tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học
- Các phương pháp nghiên cứu
- Cách trình bày một công trình nghiên cứu

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ngô Đình Qua (2005). *Phương pháp nghiên cứu khoa học* (Tái bản lần 2). NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- Dương Thiệu Tống (2005). *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*. NXB Khoa học xã hội.
- Phạm Viết Vượng (1997). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- <http://nguyenvantuan.net/science>

# **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**

- Bài tập thực hành (nhóm) : 40%
- Thi kết thúc học phần: 60%

# Chương 1

## Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

1. Khái niệm Nghiên cứu khoa học
2. Các loại hình NCKH
3. Phương pháp luận NCKH

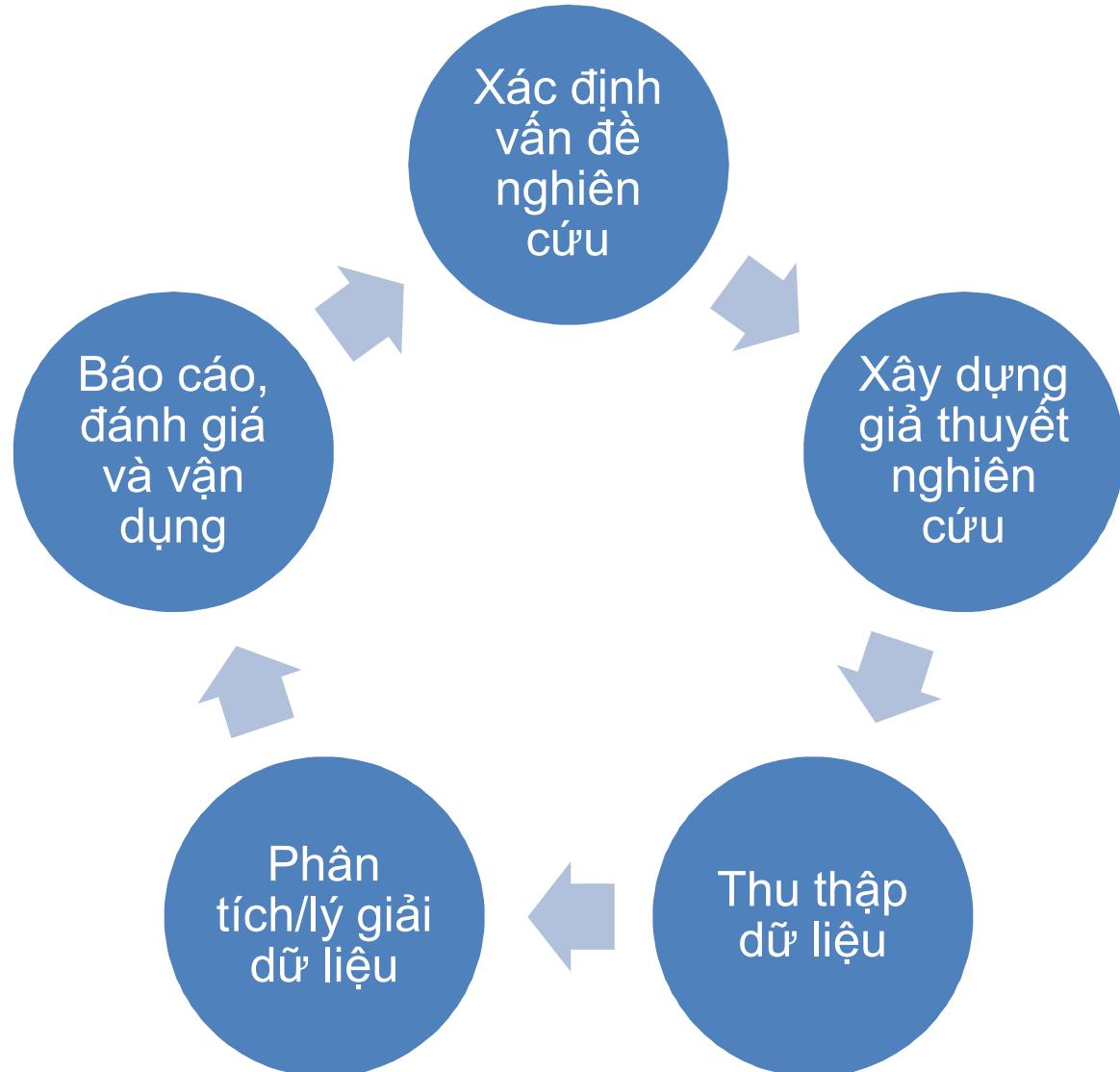
# 1. Khoa học

1. Khoa học là một hệ thống tri thức về thế giới khách quan, không những để giải thích thế giới mà còn để cải tạo thế giới.

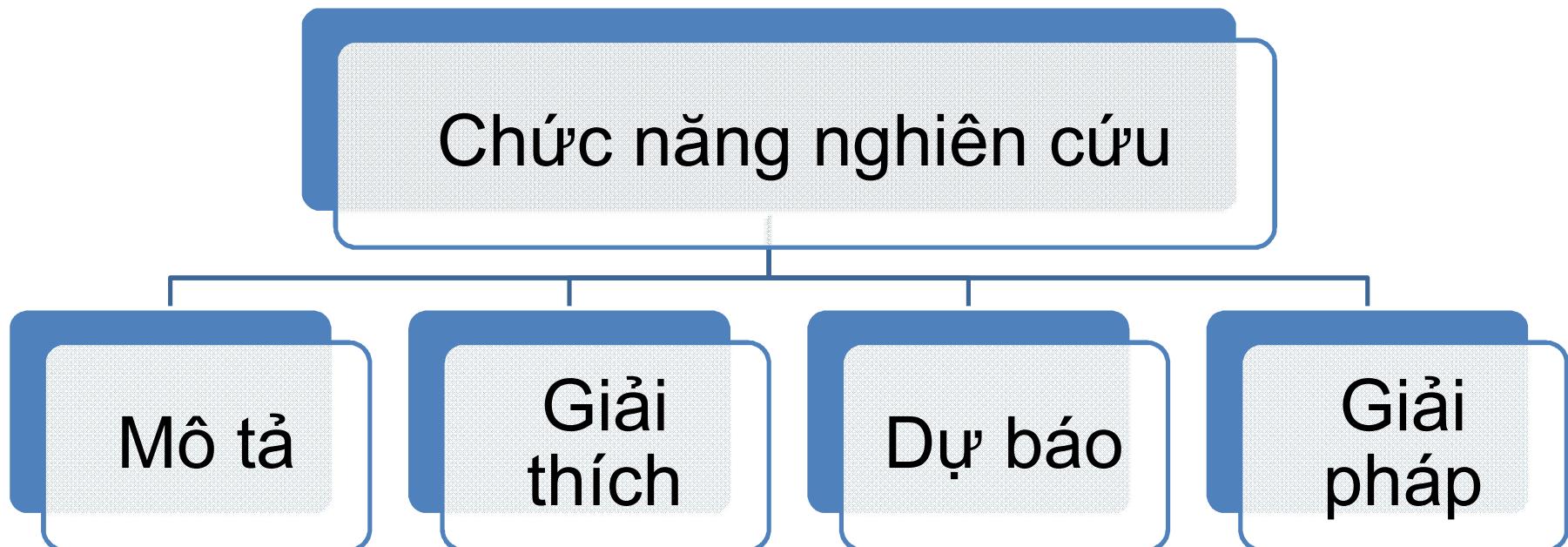
- Tri thức khoa học là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học.
- Tri thức khoa học được tổ chức trong khuôn khổ các bộ môn khoa học.

## 2. Nghiên cứu khoa học

- Thu thập, phân tích và lý giải dữ liệu nhằm trả lời một câu hỏi nghiên cứu.
- Hoạt động sáng tạo, được tổ chức có hệ thống.
- Phát hiện, phát triển và kiểm chứng những tri thức mới mẻ.



# Các loại hình NCKH



- Phân loại theo sản phẩm nghiên cứu

Nghiên cứu cơ bản  
(quy luật)

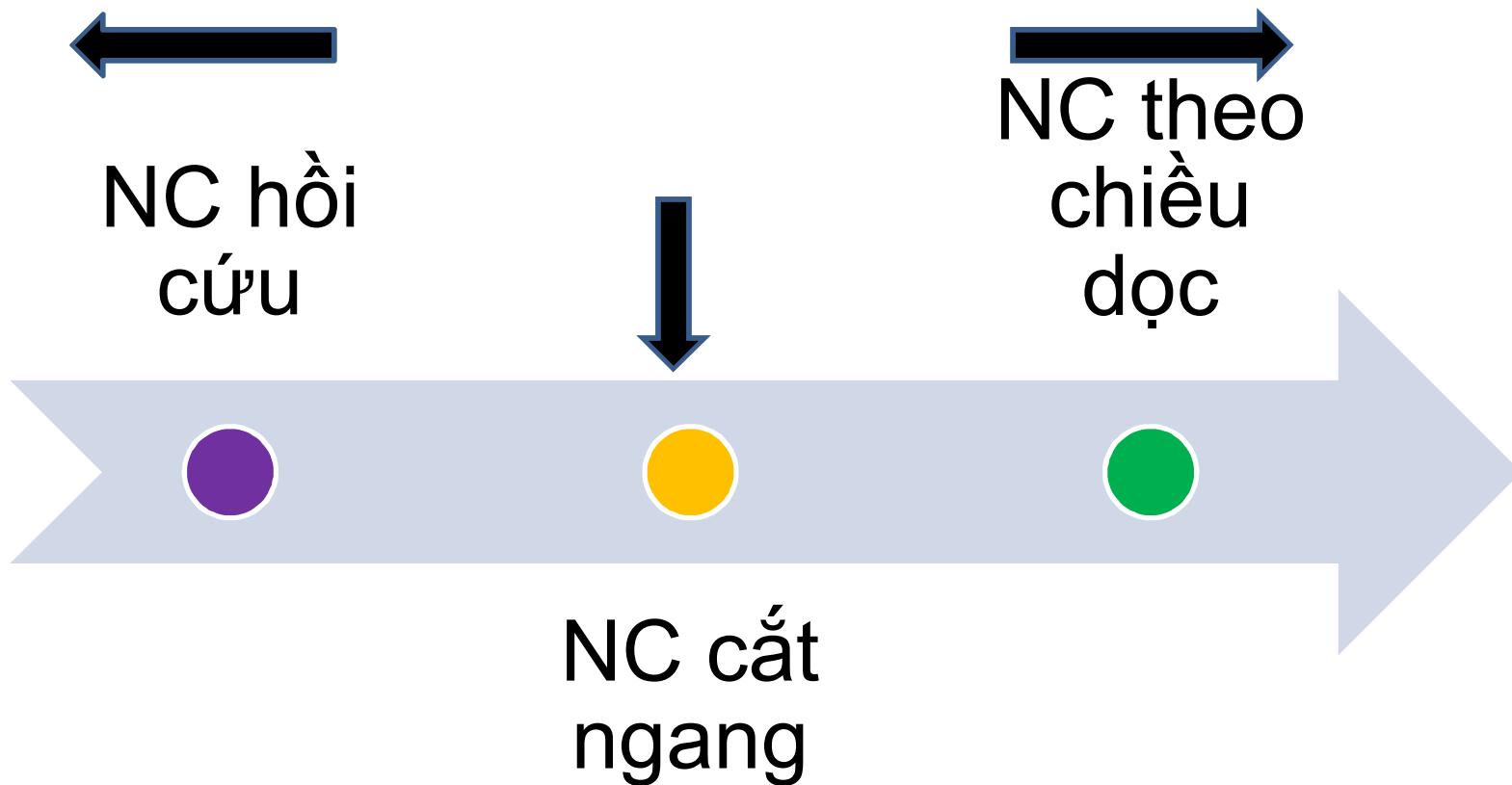


Hiểu biết một cách cơ bản, nền tảng về tất cả các khía cạnh của khoa học.

Nghiên cứu  
ứng dụng  
(giải pháp)

Giải quyết các vấn đề thực tế, cải thiện cuộc sống con người

# Phân loại theo thời gian



(<http://ykhoa.net/NCKH/nguyenvantuan/hieulamthuatngu.htm>)

# Phân loại theo tính tự nhiên

Không  
can thiệp

• Quan sát

Can  
thiệp

• Thực  
nghiệm

### **3. Phương pháp luận NCKH**

- Lý thuyết về PPNCKH: Hệ thống các quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo hoạt động NCKH.
  - Ba bộ phận của PPLNCKH
  - Hệ thống 3 bậc của PPLNCKH

# Ba bộ phận PPLNCKH



- Các luận điểm chung nhất chỉ đạo quá trình NCKH
  - Quan điểm hệ thống-cấu trúc
  - Quan điểm lịch sử
  - Quan điểm thực tiễn

- Quan điểm hệ thống-cấu trúc:
  - Nhiều mặt
  - Nhiều mối quan hệ
  - Tương tác với môi trường

- Quan điểm lịch sử:
  - Thời gian, không gian cụ thể
  - Quy luật của quá trình phát triển

- Quan điểm thực tiễn:
  - Vấn đề nghiên cứu xuất phát từ thực tiễn và kết quả nghiên cứu được ứng dụng trong thực tiễn.
  - Sự gắn bó giữa lý luận và thực tiễn.

*Usinxki: Một sự thực hành trần trụi không có lý luận trong giáo dục cũng giống như nghề lang băm trong y học (Theo Nguyễn An, 1991)*

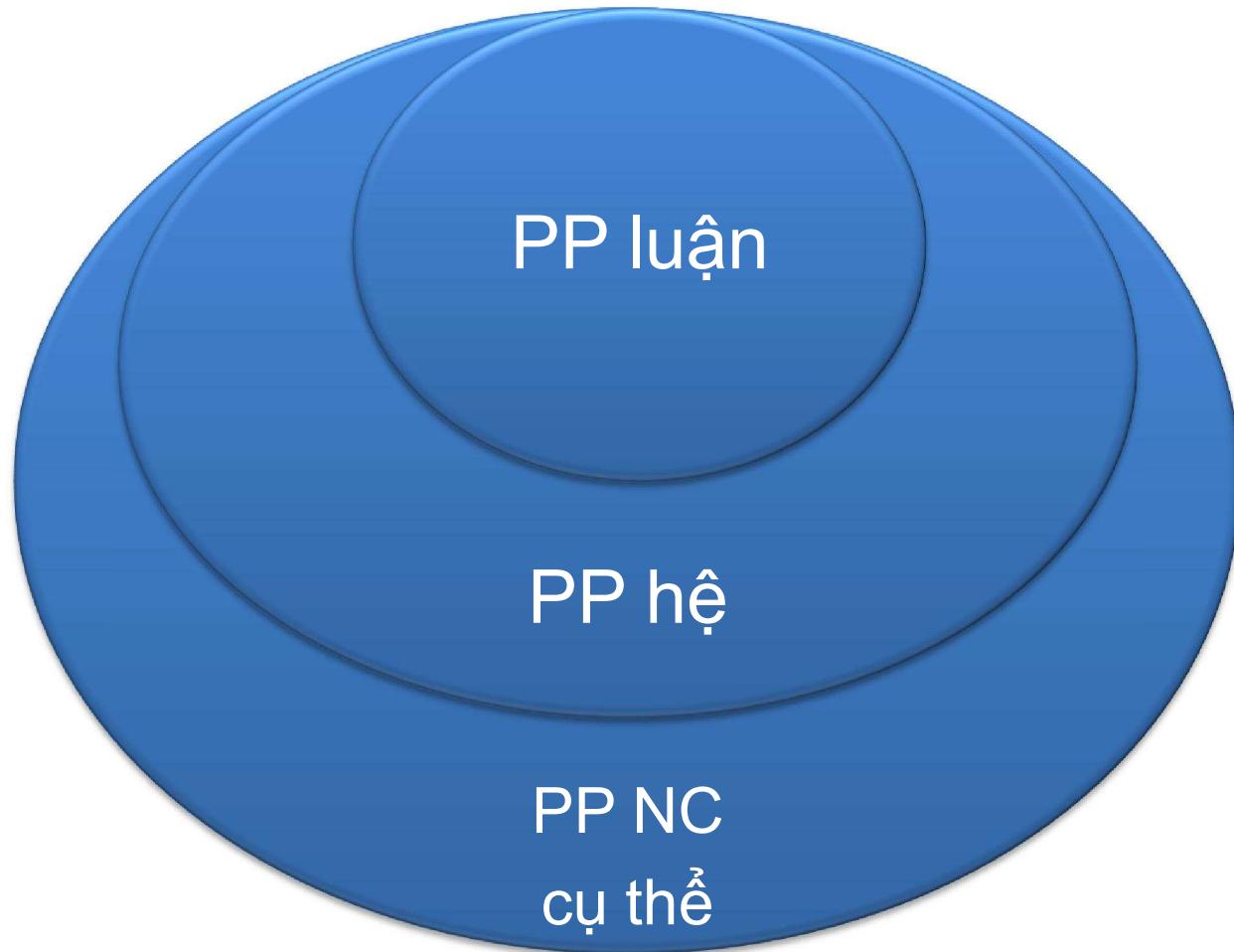
# Lý thuyết về phương pháp nhận thức khoa học

- Cơ chế sáng tạo khoa học
- Kỹ năng nghiên cứu khoa học

- Cơ chế sáng tạo khoa học:
  - Cơ chế trực giác → sự “bùng sáng” một ý tưởng khoa học, một cách giải quyết vấn đề một cách đột ngột.
  - Cơ chế Algorithm → phương pháp giải quyết vấn đề bằng một trật tự các thao tác logic.
  - Cơ chế Heuristics → phương pháp giải quyết vấn đề bằng việc đề xuất và chứng minh một giả thuyết khoa học.

- **Kỹ năng nghiên cứu khoa học** → tổ hợp các cách thức giúp thực hiện thành công các công trình NCKH:
  - Nhóm kỹ năng nắm vững lý luận khoa học và phương pháp luận nghiên cứu → xác định cách tiếp cận, xây dựng giả thuyết, lập đề cương.
  - Nhóm kỹ năng sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu cụ thể.
  - Nhóm kỹ năng sử dụng thành thạo các kỹ thuật nghiên cứu: thu thập, xử lý, trình bày...

# Hệ thống 3 bậc của PPLNCKH



# Truyền thông trong khoa học



# Sự trích dẫn phản ánh điều gì?

- Sự kính trọng tác giả
- Công trạng của tác giả
- Mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu

➤ chất lượng của công trình NCKH

- Hệ số ảnh hưởng (Impact factor – IF): tạp chí
- Chỉ số H (Jorge Hirsch, 2005): nhà khoa học

- **ISBN** (*International Standard Book Number*): Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho sách → xác định một quyền sách.
- **ISSN** (*International Standard Serial Number*): Mã số tiêu chuẩn quốc tế được dùng để nhận dạng một ấn phẩm xuất bản định kỳ

# Truyền thông trong khoa học

- Griffiths cho thấy “nghiên internet” có thể đã bị lỗi thời. Hành vi sử dụng Facebook không giới hạn bắt đầu được nhìn nhận và đánh giá là nghiên Facebook [12].
  - Nội dung trích dẫn
  - Nguồn trích dẫn
  - Tài liệu tham khảo

- Nội dung trích dẫn
  - Trích trực tiếp: đặt trong dấu ngoặc kép hoặc lùi vào lề trong và cỡ chữ nhỏ hơn.
  - Trích gián tiếp: Diễn giải, tóm tắt ý tưởng...
- Nguồn trích dẫn
  - Đánh số thứ tự từng ý và chú thích nguồn ở cuối trang hoặc cuối bài (Footnote hoặc Endnote)
  - **Chú thích nguồn trích dẫn bằng số thứ tự trong danh mục tài liệu tham khảo.**
  - Chú thích nguồn trích dẫn bằng tên tác giả và năm công bố .

# Cách lập danh mục tài liệu tham khảo

- Danh mục tham khảo bao gồm: tựa đề, tác giả, nơi xuất bản, năm xuất bản.
- Danh mục phải tuân theo những quy định về thứ tự, dấu chấm, phẩy...



- Những tài liệu tham khảo viết bằng các thứ tiếng ngoài hệ chữ La-tin được chuyển sang kí tự La-tin.
- Xếp theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp)
- Xếp theo thứ tự ABC của tên tác giả đối với người Việt, của họ tác giả đối với người nước ngoài.
- <http://portal.hcmup.edu.vn/?site=134>

- **Đối với sách, luận án, báo cáo:**
    - Số thứ tự, họ và tên tác giả hoặc tên cơ quan ban hành (năm xuất bản),
    - *Tên sách, luận án, báo cáo,*
    - Nhà xuất bản (Nxb), nơi xuất bản.
- Ví dụ:
1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2002), *Các văn bản pháp luật về đào tạo sau đại học*, Hà Nội.
  2. Nguyễn Thị Phương Nga (2006), *Giáo trình phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

- *Đối với bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách:*

- Số thứ tự, họ và tên tác giả hoặc tên cơ quan ban hành (năm xuất bản),
- « Tên bài báo, tên chương sách»,
- *Tên tạp chí hoặc tên sách,*
- Tập (số), các số trang (43-56).

1. Trần Thị Minh Đức (2007), “Phân tích từ góc độ Tâm lí học: Vì sao giới trẻ thích game online?”, *Tạp chí Tâm lí học*, (10), 6-12.

- ✓ Hương Giang(20/4/2012). *Dạy Con Khó Hợn Điều Hành Doanh Nghiệp*. Truy cập 21/4 /2012, từ VietNamNet:  
<http://www.vietnamnet.vn>
- ✓ <http://www.tienphong.vn/Phap-Luat/633673/Bao-dong-hang-loat-vu-giet-nguoi-tu-Facebook-tpot.html>

# Bài tập nhóm số 1

- Nhận xét và điều chỉnh danh mục TLTK



- **ISBN** (*International Standard Book Number*): Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho sách → xác định một quyền sách.
- **ISSN** (*International Standard Serial Number*): Mã số tiêu chuẩn quốc tế được dùng để nhận dạng một ấn phẩm xuất bản định kỳ

# Truyền thông trong khoa học

- Nội dung trích dẫn
- Nguồn trích dẫn
- Tài liệu tham khảo

# TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH MỘT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Quy trình nghiên cứu
- Nội dung một công trình nghiên cứu



# Quy trình nghiên cứu

- 
- 1 • Chuẩn bị
  - 2 • Triển khai nghiên cứu
  - 3 • Viết công trình nghiên cứu
  - 4 • Công bố kết quả

1

## • Chuẩn bị

- Xác định vấn đề nghiên cứu
- Xây dựng đề cương nghiên cứu



# Xác định vấn đề nghiên cứu

- Nguyên tắc:
  - Tính khả thi
  - Tính giá trị
  - Tính hấp dẫn
  - Tính đạo đức

# Cách thức phát hiện vấn đề nghiên cứu

- Lựa chọn vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn
- Theo dõi các thành tựu nghiên cứu khoa học
- Tiếp tục công trình nghiên cứu có sẵn
  - Qui trình mới, phương pháp mới, điều kiện mới...
- Quan sát, tìm hiểu những vấn đề còn tranh luận, bất đồng ý kiến...

# Xác định vấn đề nghiên cứu

- Quy trình
  - Lựa chọn một **lĩnh vực** hay một vấn đề tổng quát (đã được học hay có kinh nghiệm nhiều nhất)
  - Tham khảo các tài liệu liên quan
    - vấn đề chưa được nghiên cứu, còn tranh luận; mâu thuẫn giữa các nghiên cứu trước...
    - Cơ sở vững chắc về lý luận, phương pháp
    - Thu hút sự chú ý của bản thân về một **vấn đề chuyên biệt**
    - Phân tích, hệ thống các dữ kiện thu thập được  
→ định hình ngày càng cụ thể hơn vấn đề cần nghiên cứu.

- Thực hành xác định vấn đề nghiên cứu của nhóm:



# Xác định vấn đề nghiên cứu

- Quy trình
  - Lựa chọn một **lĩnh vực** hay một vấn đề tổng quát (đã được học hay có kinh nghiệm nhiều nhất)
  - Tham khảo các tài liệu liên quan
    - vấn đề chưa được nghiên cứu, còn tranh luận; mâu thuẫn giữa các nghiên cứu trước...
    - Cơ sở vững chắc về lý luận, phương pháp
    - Thu hút sự chú ý của bản thân về một **vấn đề chuyên biệt**
    - Phân tích, hệ thống các dữ kiện thu thập được  
→ định hình ngày càng cụ thể hơn vấn đề cần nghiên cứu.

# Đề cương nghiên cứu

- Văn bản **dự kiến quy trình và nội dung** của một công trình nghiên cứu.
  - Hứa hẹn *một cách khoa học*
- Mục tiêu: **thuyết phục** hội đồng xét duyệt hay nhà tài trợ về:
  - Ý tưởng
  - Cách tiếp cận
  - Phương thức thực hiện

# Viết đề cương nghiên cứu

- Trang bìa
- Văn phong khoa học:

# Trang bìa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

Tên tác giả

**TÊN ĐỀ TÀI**

ĐỀ CƯƠNG KHÓA LUẬN TÔT NGHIỆP  
CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh - NĂM

# Văn phong khoa học

- Trong sáng: không dùng câu chữ rườm rà, nhiều ẩn ý.
- Đơn giản: từ ngữ ngắn gọn, dễ hiểu.
- Chính xác: có tính định lượng, tránh “một số”, “đa số”, khoảng, xấp xỉ, phần lớn, nói chung...
- Khách quan: có chứng cứ, tránh giả định (ai cũng biết rằng...)
- Cấu trúc chặt chẽ: sắp xếp ý tưởng có trước, có sau.

# Nội dung đề cương nghiên cứu

- Tên đề tài
- Lý do chọn đề tài
- Mục đích nghiên cứu
- Giới hạn đề tài
- Khách thể và đối tượng nghiên cứu
- Giả thuyết nghiên cứu
- Nhiệm vụ nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu
- Dự thảo nội dung nghiên cứu
- Kế hoạch nghiên cứu
- Tài liệu tham khảo

# Xác định tên đề tài

- Tên đề tài phải phản ánh **cô đọng** nhất nội dung của vấn đề nghiên cứu, phạm vi tiên hành nghiên cứu.
  - Ít chữ nhất
  - Chứa lượng thông tin nhiều nhất

## 1. Lý do chọn đề tài:

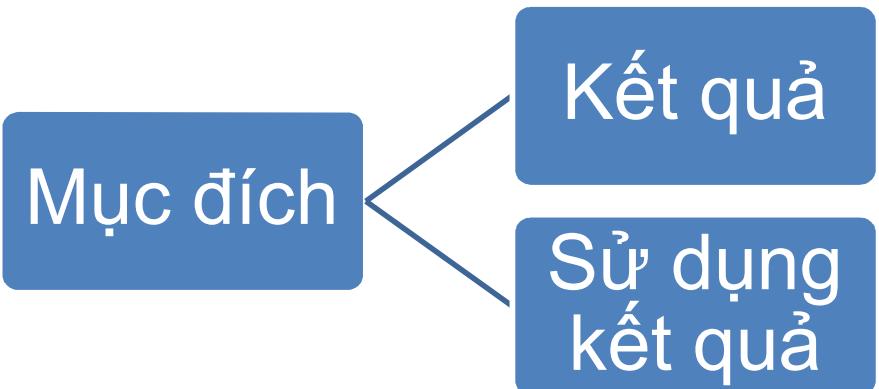
- Dẫn dắt vào vấn đề nghiên cứu:  
**điều đã biết** → **điều chưa biết** → câu hỏi
- Tầm quan trọng của vấn đề nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài.
- Tính cấp thiết của đề tài.

## 2. Mục đích nghiên cứu:

Xác định kết quả phải đạt được khi kết thúc việc nghiên cứu.

- chỉ ra cái “đích” phải hướng tới trong tầm mắt (mục)
- Phân biệt mục đích và mong muốn.



**3. Giới hạn đề tài:** xác định phạm vi thực hiện của đề tài (nội dung, thời gian, không gian) cho phù hợp với khả năng và điều kiện nghiên cứu hiện tại.

Trong nhiều trường hợp, ta không thể xét mọi khía cạnh của vấn đề nghiên cứu trong một công trình nghiên cứu, vì lý do thời gian, điều kiện, phương tiện, phí tổn...

➤ *chỉ có thể tập trung vào một khía cạnh nào đó thôi*

## 4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu:

Thế giới khách quan

Khách thể nghiên cứu

Đối tượng  
nghiên cứu

- Khách thĕ là một bộ phận của thế giới khách quan mà người nghiên cứu tác động vào để giải quyết vấn đề nghiên cứu.
- Đối tượng là một bộ phận của khách thĕ. Nó là một sự vật, hiện tượng hay một mối quan hệ được xác định dựa trên mục đích nghiên cứu
- Xác định đối tượng là xác định cái trung tâm, còn khách thĕ là giới hạn chưa đựng cái trung tâm đó mà đề tài không được vượt qua.

## 5. Giả thuyết nghiên cứu

- Giả thuyết là một phát biểu có tính chất ước đoán về vấn đề mà người nghiên cứu muốn tìm hiểu.
  - Câu trả lời cho câu hỏi nghiên cứu.
  - Giả thuyết được khẳng định nếu câu trả lời đúng với thực tế của đối tượng nghiên cứu.



- Để đưa ra giả thuyết phải đặt được câu hỏi.
- Đặt giả thuyết chính là tìm câu trả lời cho câu hỏi đặt ra.

# Giả thuyết và giả thiết

- Giả thuyết (hypothesis): câu trả lời mang tính phỏng đoán → phải chứng minh
- Giả thiết (assumption): điều kiện giả định trong quan sát hoặc thực nghiệm → chấp nhận.
  - Giả thiết là điều kiện quy ước của người nghiên cứu.
  - Giả thuyết luôn đi kèm theo những điều kiện giả định (giả thiết)

# Mô thức thực nghiệm

Tiền kiểm (pretest)	Tác động	Hậu kiểm (posttest)
Ya	X	Yb

$| Ya - Yb | > 0 \rightarrow X$  (tác động) có ảnh hưởng.

Với điều kiện?

Không có tác động nào ngoài X!

# Hình thành giả thuyết

- Xác định và định nghĩa các biến số.
- Thiết lập mối liên hệ giữa các biến số.

# Biến số (Variable)

- Biến số là những đại lượng hoặc đặc tính có thể **thay đổi** theo các đối tượng khác nhau, điều kiện khác nhau.
- Ví dụ: tuổi tác, giới tính, thu nhập, trình độ, sự hài lòng...
- Biến số bao gồm hai hay nhiều giá trị.



# Định nghĩa biến số

Giới tính

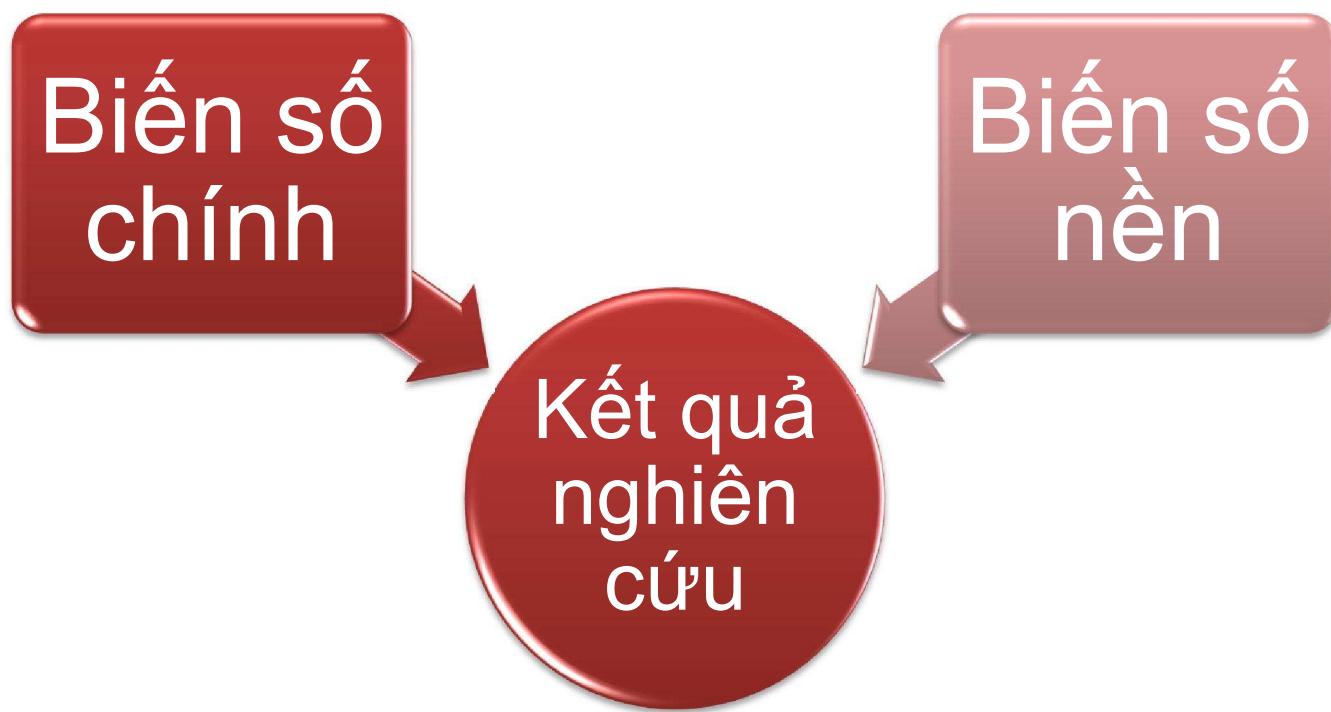
Xác định biến số

- Được xác định theo chứng minh nhân dân.

Định nghĩa  
biến số

➤ Giá trị: Nam, nữ

# Thiết lập mối quan hệ giữa các biến số



# Cơ sở xây dựng giả thuyết

- Dữ liệu điều tra sơ khởi
- Quan sát thực tế
- Tài liệu lý luận
- Suy luận
- Tưởng tượng

# Lưu ý khi xây dựng giả thuyết

- Giả thuyết là một phán đoán.
- Giả thuyết phải gắn liền với mục đích nghiên cứu.
- Giả thuyết phải có cơ sở.
- Giả thuyết phải có thể kiểm chứng.

# Thực hành xây dựng giả thuyết

1. Đặt câu hỏi nghiên cứu.
2. Xác định và định nghĩa các biến số.
3. Thiết lập mối liên hệ giữa các biến số.



## 6. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Thu thập dữ liệu để chứng minh giả thuyết nghiên cứu.
  - Xây dựng khung lý thuyết của đề tài
  - Khảo sát thực trạng
  - Tìm hiểu nguyên nhân
  - Đề xuất giải pháp
  - ....

# 7. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp nghiên cứu cụ thể dự kiến sẽ sử dụng:
  - Nhóm PP nghiên cứu lý luận
  - Nhóm PP nghiên cứu thực tiễn
  - Nhóm PP toán thống kê

8. Dự thảo nội dung nghiên cứu: dàn ý chi tiết nội dung dự kiến của công trình khi hoàn thành.

Mở đầu

Chương 1

Chương 2

Kết luận

9. Kế hoạch nghiên cứu: nội dung công việc, tiến độ và nhân lực thực hiện.

(xem Ngô Đình Qua, 2005, tr.75-78)

## • Triển khai nghiên cứu

- Lập thư mục các tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu
  - Tài liệu tham khảo
- Lược sử vấn đề nghiên cứu
  - Khẳng định tính cần thiết, mới mẻ của vấn đề nghiên cứu
- Xây dựng cơ sở lý thuyết của vấn đề nghiên cứu
  - Nền tảng để thiết lập công cụ đo lường
- Thu thập số liệu, xử lý, phân tích số liệu
  - Kiểm chứng giả thuyết
  - Kết quả nghiên cứu

3

## • Viết công trình nghiên cứu

- Trình bày toàn bộ kết quả nghiên cứu (xem nội dung công trình nghiên cứu).



# Nội dung một công trình NC

Những vấn đề chung

Các kết quả nghiên cứu

Kết luận

Tài liệu tham khảo và phụ lục

# Những vấn đề chung (Phần mở đầu)

- Lý do chọn đề tài
- Mục đích nghiên cứu
- Giới hạn đề tài
- Khách thể và đối tượng
- Giả thuyết nghiên cứu
- Nhiệm vụ nghiên cứu
- Các sơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể

## Các kết quả nghiên cứu (các chương)

- Chương 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu → kết quả nghiên cứu lý thuyết).
- Chương 2 trở đi: Kết quả nghiên cứu thực tiễn.

# Kết luận

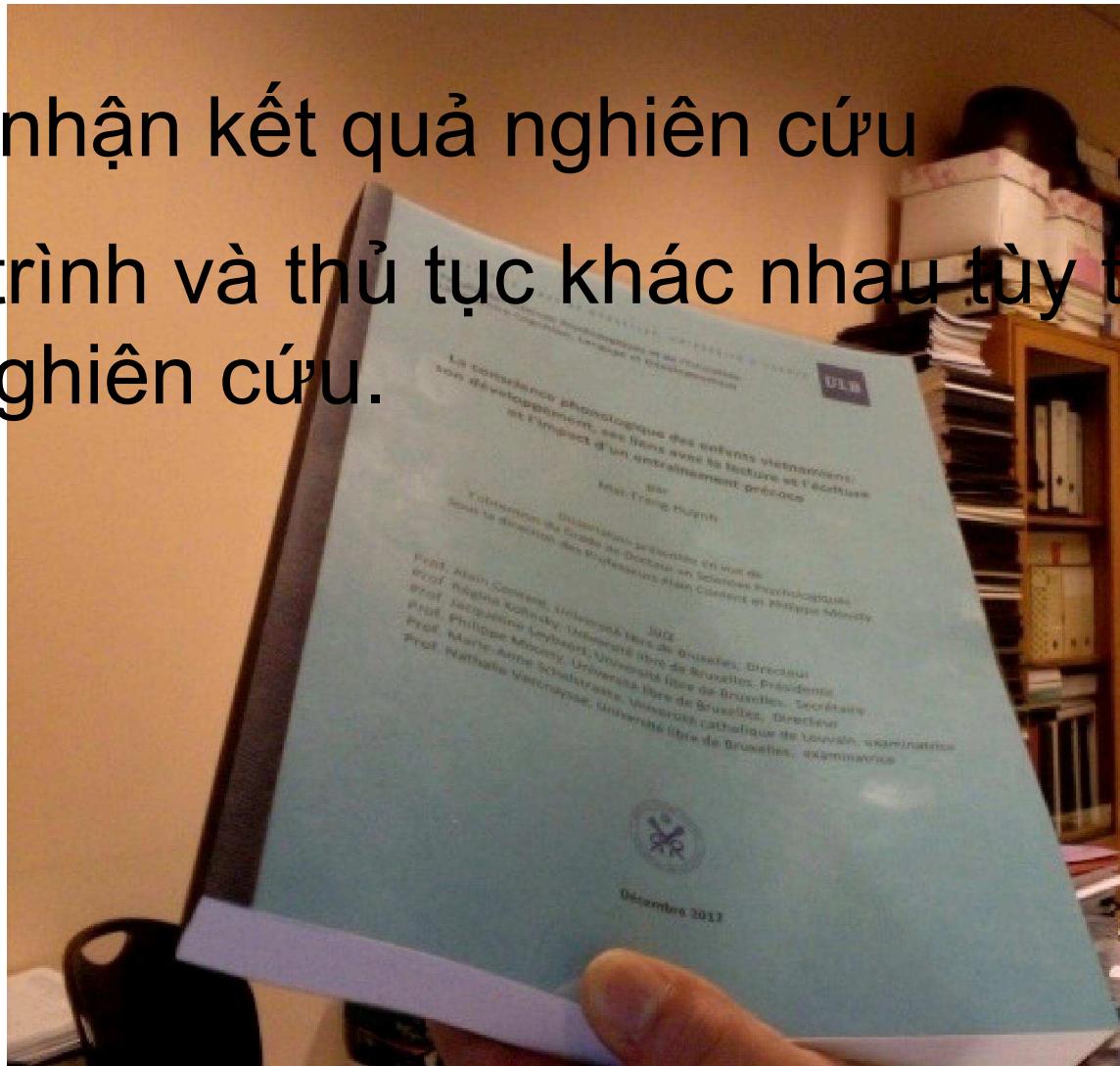
- Toàn bộ những kết quả quan trọng nhất mà công trình nghiên cứu đã chỉ ra, bao gồm cả lý thuyết và thực tiễn.
- Các đề xuất ứng dụng kết quả nghiên cứu.
- Những kiến nghị cho việc nghiên cứu tiếp theo.

# Tài liệu tham khảo và phụ lục

- Phần danh mục các tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự abc họ tên tác giả, năm xuất bản, tên tài liệu, nhà xuất bản.
- Phần phụ lục làm rõ thêm các kết quả nghiên cứu mà trong phần chính không trình bày.

## • Công bố kết quả

- Xác nhận kết quả nghiên cứu
- Qui trình và thủ tục khác nhau tùy theo cấp độ nghiên cứu.



# Bài tập nhóm số 3

- Xây dựng thuyết minh đề tài nghiên cứu



# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Phương pháp luận
- Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

# Phương pháp luận

- Vận dụng các quan điểm triết học trong phạm vi đề tài nghiên cứu:
  - Quan điểm hệ thống - cấu trúc
  - Quan điểm lịch sử - logic
  - Quan điểm thực tiễn

# Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

- Nhóm PP nghiên cứu lý luận
- Nhóm PP nghiên cứu thực tiễn
- Nhóm PP toán học

# **1. PP nghiên cứu tài liệu**

Thu thập thông tin khoa học dựa trên cơ sở  
nghiên cứu các văn bản, tài liệu đã có.

- Mục đích: tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề, xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.
  - kế thừa thành tựu nghiên cứu trước đó.
  - Không lặp lại những gì đã có!

# 1. PP nghiên cứu tài liệu

- Nội dung: tìm kiếm, xử lý và tóm tắt tài liệu có liên quan đến ý tưởng, đề tài nghiên cứu:
  - ✓ Lý thuyết
  - ✓ Kết quả nghiên cứu được công bố.
  - ✓ Chủ trương, chính sách
  - ✓ Số liệu thống kê...
- Nguồn tài liệu: Sách-tạp chí trong và ngoài ngành, báo cáo thống kê, thông tin đại chúng...

# 1. PP nghiên cứu tài liệu

- Cách thức: đọc và chọn lọc tài liệu
  - ✓ Phân tích
  - ✓ Tổng hợp
  - ✓ Phân loại
  - ✓ Hệ thống
  - ✓ Mô hình hóa...

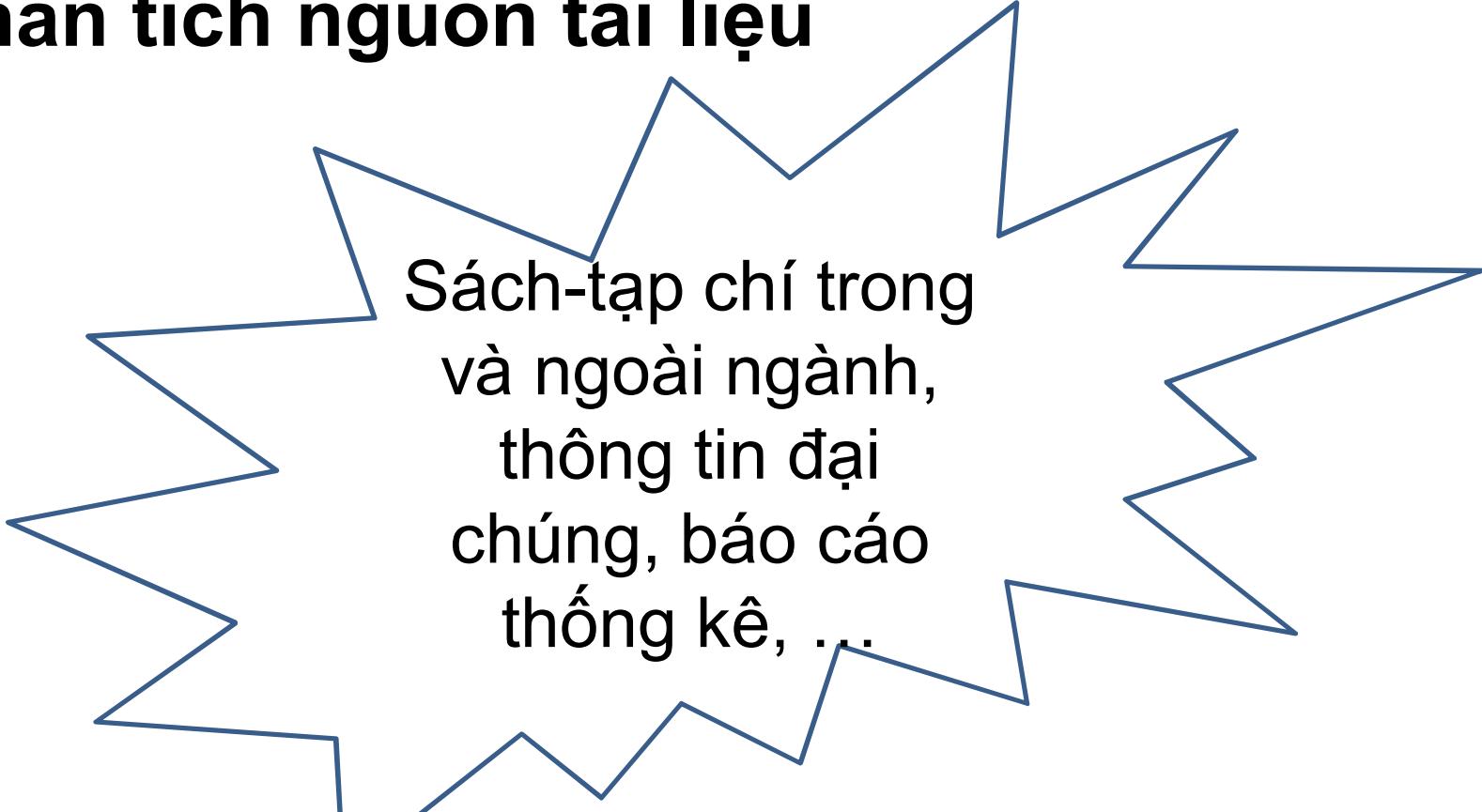
# Phân tích và tổng hợp tài liệu

- Phân tích và tổng hợp là 2 thao tác có chiều hướng đối lập nhau song chúng lại thống nhất biện chứng với nhau: phân tích chuẩn bị cho tổng hợp và tổng hợp giúp cho việc phân tích sâu sắc hơn
- Tổng hợp là liên kết các mặt, các bộ phận để phát biểu thành những điều cô đọng, có tính đại diện cho nhiều lý thuyết.

# Phân tích tài liệu

- Phân tích là tách tài liệu thành từng bộ phận, từng mặt:

## ➤ **Phân tích nguồn tài liệu**



Sách-tạp chí trong  
và ngoài ngành,  
thông tin đại  
chung, báo cáo  
thống kê, ...

# Phân tích tài liệu

- Phân tích là tách tài liệu thành từng bộ phận, từng mặt:

## ➤ **Phân tích nguồn tài liệu**

- Tạp chí và báo cáo trong ngành
- Tác phẩm khoa học
- Tạp chí và báo cáo ngoài ngành
- Tài liệu lưu trữ
- Thông tin đại chúng

# Phân tích tài liệu

## ➤ Phân tích tác giả

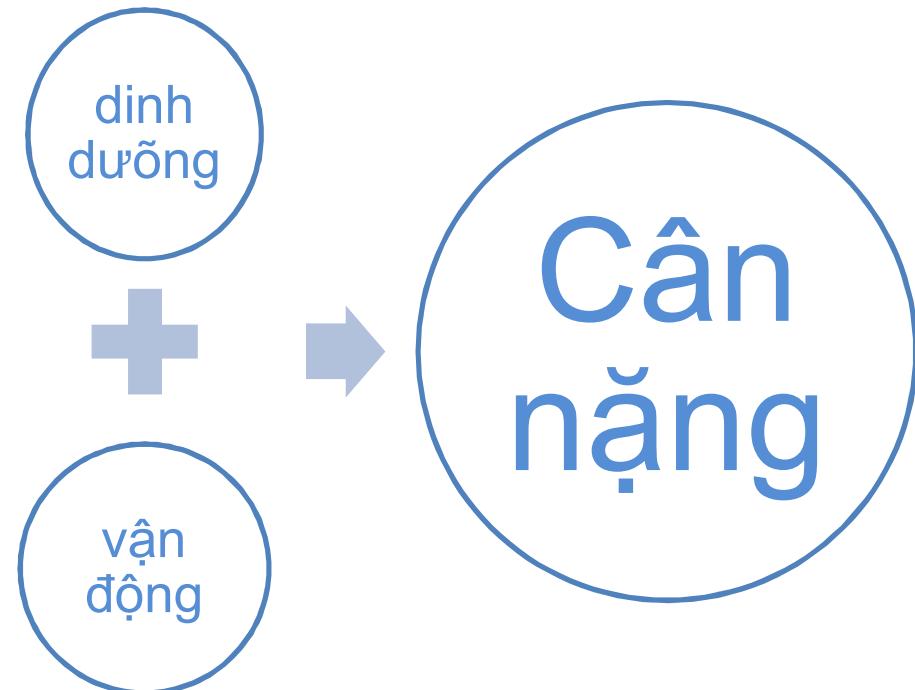
- Trong và ngoài ngành
- Trong và ngoài cuộc
- Trong và ngoài nước
- Theo niên đại...

# Phân loại, hệ thống hóa lý thuyết

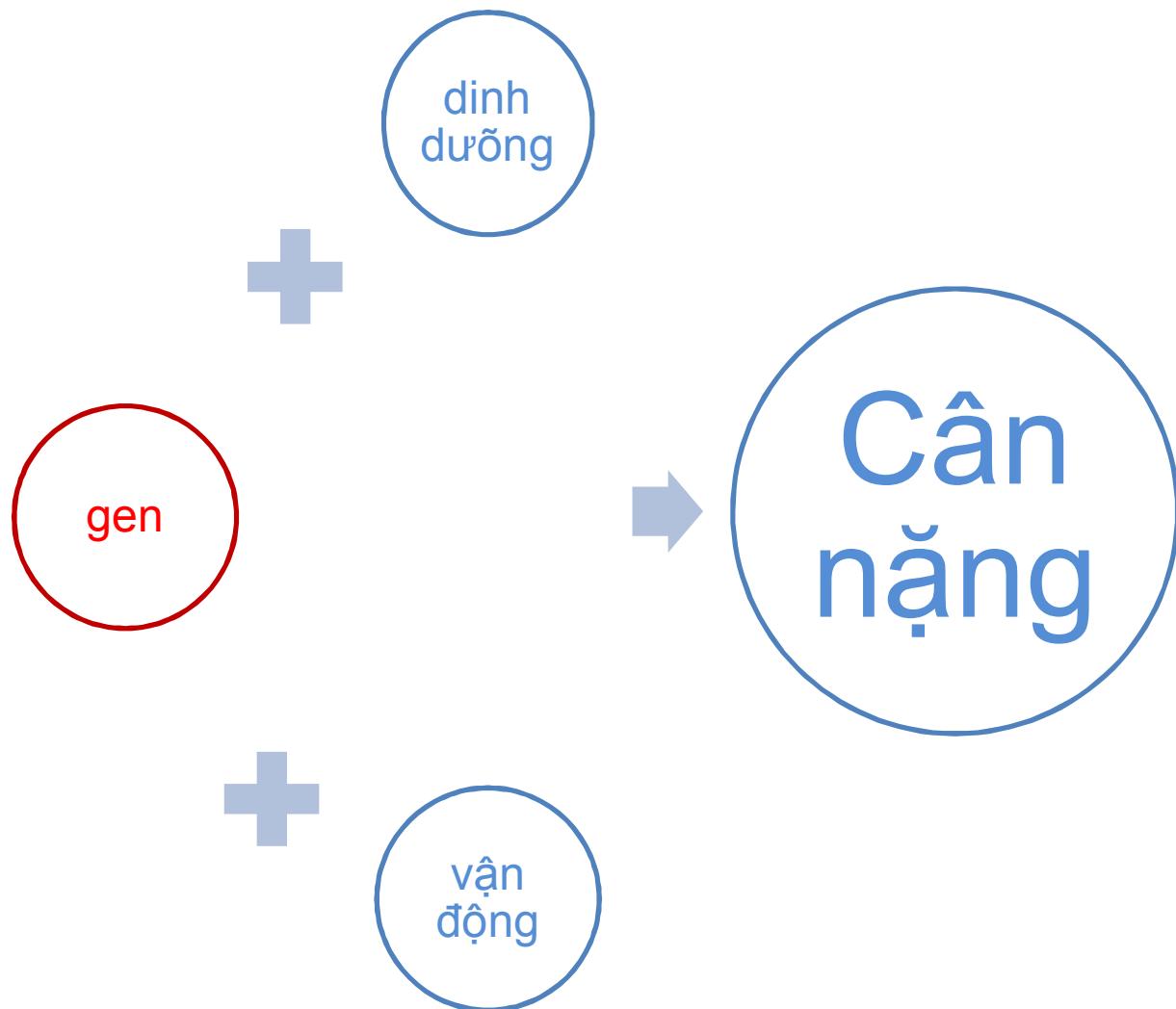
- Phân loại là sắp xếp các tài liệu theo từng mặt, từng vấn đề có cùng dấu hiệu bản chất.
- Hệ thống hóa là sắp xếp tài liệu thành một cấu trúc chặt chẽ.

# Mô hình hóa

- Xây dựng mô hình giả định về đối tượng nghiên cứu
  - Chuyển cái trừu tượng thành cái cụ thể.



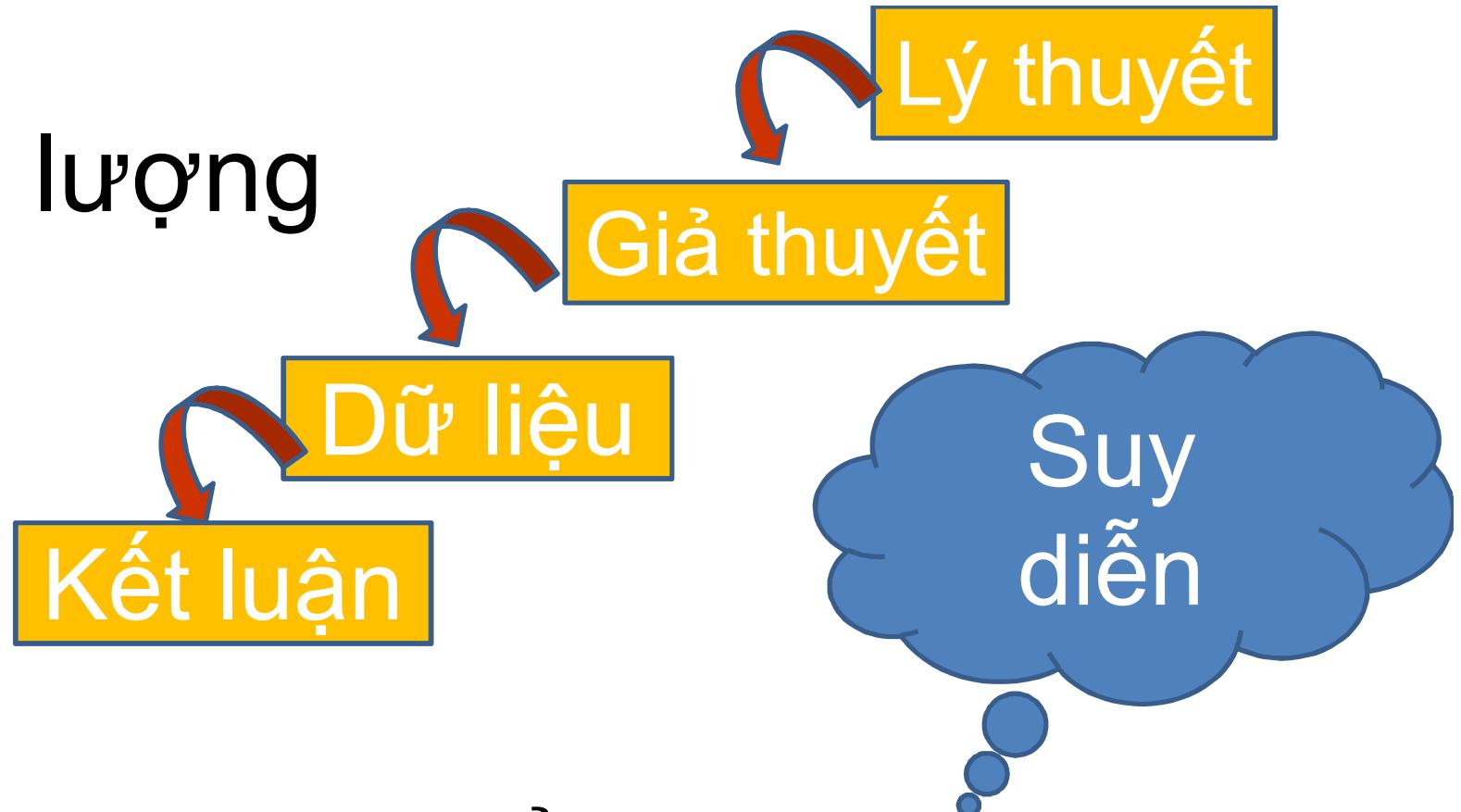
# Mô hình hóa



# Nhóm PP nghiên cứu thực tiễn

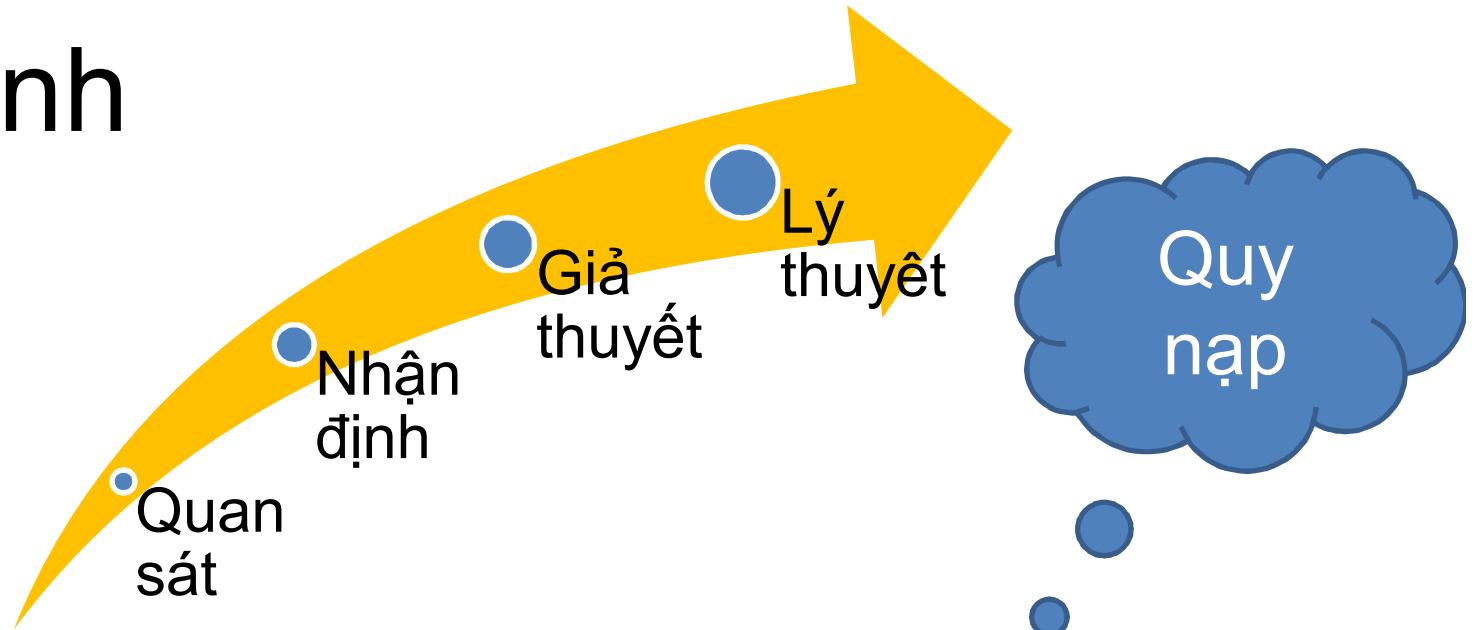
- Nghiên cứu định tính
- Nghiên cứu định lượng
- Kết hợp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng

# Định lượng



- Thu thập dữ liệu để chứng minh hay bác bỏ một lý thuyết; khái quát kết quả nghiên cứu cho dân số.
- Điều tra bằng phiếu hỏi, thang đo; thực nghiệm...

# Định tính



- Thu thập dữ liệu để mở rộng hiểu biết, xây dựng lý thuyết, gợi ra cảm nhận về một vấn đề, tìm hiểu trải nghiệm, thăm dò ban đầu...
- Phỏng vấn sâu, quan sát (có tham gia), nghiên cứu trường hợp...

- **Phương pháp định lượng:** Đây là phương pháp nghiên cứu mà dữ liệu thu thập được là số lượng.
- **Phương pháp định tính:** Đây là phương pháp nghiên cứu mà dữ liệu thu thập được không mô tả số lượng, mà là tính chất, đặc điểm → yếu tố

# Một số PP thu thập dữ liệu

- Bút vấn
- Phỏng vấn
- Trắc nghiệm
- Quan sát
- Thực nghiệm

# Bút vấn

- Là phương pháp thu thập dữ liệu dựa trên một bản câu hỏi đã được soạn sẵn dưới dạng viết.
- Mục đích: thu thập những dữ kiện liên quan đến đặc điểm chung của một số đông người.



# Cấu trúc phiếu hỏi

- Phần giới thiệu:
  - Tiêu đề
  - Mục tiêu
- Phần thông tin cá nhân của người trả lời
  - Cần chọn lọc những gì có liên quan trực tiếp đến vấn đề nghiên cứu
- Phần câu hỏi chính phục vụ cho nhiệm vụ nghiên cứu.
- Lời cảm ơn và chào tạm biệt.

# Các dạng câu hỏi

1. Bạn có đồng ý với ý kiến cho rằng phải đến lớp đúng giờ không?

- Rất đồng ý.
- Đồng ý.
- Không đồng ý chút nào.

2. Xin vui lòng giải thích tại sao? .....

.....  
.....  
3. Xin vui lòng giải thích tại sao phải đến lớp đúng giờ?

- Vì đó là điều bắt buộc
- Vì không muốn bị mất nội dung bài học
- Lý do khác: .....

# THANG ĐO THÁI ĐỘ

Giáo viên	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không chắc	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
Biết cách dạy					
Khó tiếp cận					
Nhiệt tình					

# Các dạng câu hỏi

- Câu hỏi mở: người trả lời tự do viết ra các ý nghĩ của mình.
- Câu hỏi đóng: phần trả lời được ghi sẵn để người trả lời lựa chọn.

➤ Chọn dạng câu hỏi nào?

# Yêu cầu về câu hỏi

- Rõ ràng, dễ hiểu đối với người được hỏi.
- Được viết ở dạng khẳng định.
- Ngắn gọn nhưng cụ thể
- Không hỏi những câu lồng ghép.
- Không đặt câu hỏi có tính dẫn dắt.

# Yêu cầu về phiếu hỏi

- Không quá dài: không quá 20 câu
- Cấu trúc chặt chẽ: trật tự các câu hỏi
  - Ngẫu nhiên
  - Theo một trình tự nhất định
- Trình bày cẩn thận: dễ đọc và dễ trả lời

# Ai tích cực hơn?

A

- Đố kỵ
- Ngang bướng
- Hay chê bai
- Hấp tấp
- Cần cù
- Thông minh

B

- Thông minh
- Cần cù
- Hấp tấp
- Hay chê bai
- Ngang bướng
- Đố kỵ

# Quy trình soạn bản câu hỏi

## 1. Xác định mục tiêu bản hỏi

- Chứng minh cho giả thuyết nào.

## 2. Lập dàn bài nội dung bản hỏi

- Những nội dung chính cần phải khảo sát

## 3. Soạn câu hỏi cho từng nội dung trên

- Xác định loại câu hỏi
- Khảo sát thăm dò bằng câu hỏi mở
- Dựa vào kết quả thăm dò xây dựng câu hỏi đóng

## 4. Thủ

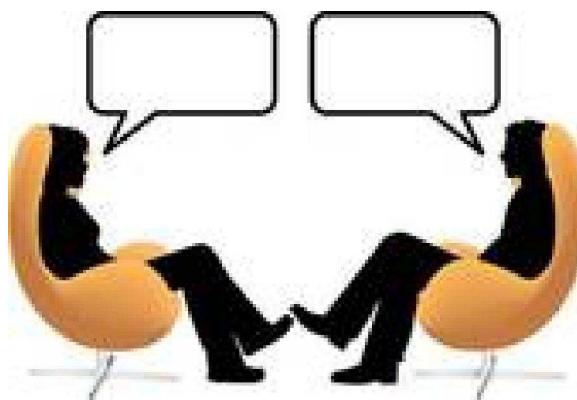
# Điều kiện tiên quyết

Cần đảm bảo ở người trả lời:

- Động cơ chia sẻ thông tin cần thiết
- Sở hữu thông tin cần thiết
- Hiểu rõ câu hỏi

# Phỏng vấn

- Phỏng vấn là một phương pháp thu thập thông tin trực tiếp từ người trả lời.
- Đặc biệt hiệu quả khi thu thập thông tin từ trẻ em hay người không biết đọc, viết thông thạo.



# Các loại phỏng vấn

- Phỏng vấn với bản câu hỏi soạn sẵn
- Phỏng vấn tự do

# Yêu cầu đối với người phỏng vấn

- Nắm vững kỹ thuật phỏng vấn:
  - Khéo léo tạo được không khí thân mật, cởi mở cho cuộc phỏng vấn.
  - Duy trì và thu hút sự chú ý của người được phỏng vấn.
  - Lắng nghe tích cực.
- Có khả năng ghi chép và thuật lại chính xác nội dung phỏng vấn.

# Yêu cầu đối với người phỏng vấn

- Hiểu nhanh và chính xác ý kiến của người được phỏng vấn.
- Nắm vững lĩnh vực chuyên môn liên quan đến vấn đề đang tìm hiểu.

# Cách thực hiện phỏng vấn

- Xác định người được phỏng vấn
  - Mẫu phỏng vấn
- Tiếp xúc sơ khởi người được phỏng vấn:
  - Mục đích phỏng vấn
  - Thời gian và địa điểm phỏng vấn
- Tiến hành phỏng vấn theo kế hoạch

- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp hội đồng

# Trắc nghiệm

- Là phương pháp thông dụng để đo lường **khả năng** của con người.
  - Trí thông minh
  - Khả năng học tập
  - Năng khiếu
  - Nhân cách

# Quan sát

- Là phương pháp thu thập thông tin dựa trên việc **tri giác trực tiếp** đối tượng nghiên cứu.
- Đặc biệt thích hợp khi cần ghi nhận **hành vi** cá nhân trong một thời gian dài.
  - Rất hữu hiệu cho các nghiên cứu về giáo dục, về trẻ em.
  - Hỗ trợ rất tốt cho các phương pháp khác.

# Những khó khăn khi quan sát

- Bị chi phối bởi kinh nghiệm của người quan sát → sai lệch giữa các cá nhân
- Bị can thiệp bởi yếu tố bên ngoài.
- Bị hạn chế ở phạm vi quan sát.
- Việc ghi chép có thể làm bỏ mất một số sự kiện.

# Cách thực hiện quan sát

- Xác định đối tượng quan sát: quan sát cái gì?
- Lập phiếu quan sát dưới dạng thang đo hoặc phạm trù/hạng mục.
- Dùng thiết bị ghi chép hỗ trợ.

# Thực nghiệm

- Là phương pháp thu thập dữ liệu trong điều kiện có **kiểm soát**.
- Được sử dụng nhằm:
  - Chứng minh hiệu quả của một giải pháp, phương tiện hoặc mô hình nào đó.
  - Khám phá một đặc tính có sẵn

# Mô thức thực nghiệm

Tiền kiểm (pretest)	Tác động	Hậu kiểm (posttest)
Ya	X	Yb

$| Ya - Yb | > 0 \Rightarrow X$  (tác động) có ảnh hưởng

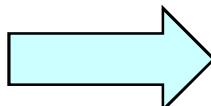
	Tiền kiểm (pretest)	Tác động	Hậu kiểm (posttest)
Nhóm thực nghiệm	Y1a	X	Y1b
Nhóm đối chứng	Y2a	O	Y2b

$|Y1b - Y2b| > 0 \rightarrow X$  (tác động) có ảnh hưởng

# Nhóm PP toán thống kê

- Phân tích dữ liệu định lượng:
  - Mô tả dữ liệu
  - So sánh dữ liệu
  - Liên hệ dữ liệu

**1. Mô tả dữ liệu:** chuyển dữ liệu thô thành thông tin có thể sử dụng được để công bố các kết quả nghiên cứu.

Mô tả	Tham số thống kê
1. Độ hướng tâm	 <b>Giá trị trung bình</b> <b>Tỉ lệ phần trăm</b>
2. Độ phân tán	 <b>Độ lệch chuẩn</b>

# Ví dụ:

Lớp	Điểm TB	ĐLC
Lớp thực nghiệm	6,8	1,8
Lớp đối chứng	5,46	0,2

		CA1	CA2
2	Tôi luôn chăm chú.	80%	96,8%
3	Tôi không lãng phí thời gian ngồi chờ GV hướng dẫn hoặc phản hồi.	50%	73,3%
4	Tôi thường lơ mơ hoặc ngủ gật.	50%	90,0%
5	Tôi ngồi đếm thời gian đến khi kết thúc giờ học.	53,3%	73,3%

## 2. So sánh dữ liệu

- ❖ Điểm số trung bình của bài kiểm của các nhóm có khác nhau không? Sự khác nhau đó có ý nghĩa hay không?
- Phép kiểm chứng **t-test**, **Khi bình phương** (**Chi-square test**)

# Ví dụ:

Lớp	Số HS	Điểm TB
Lớp thực nghiệm	15	6,8
Lớp đối chứng	15	5,46

?

		Năm 1	Năm 2	
1	Tôi luôn chăm chú.	80%	96,8%	?
2	Tôi không lãng phí thời gian ngồi chờ GV hướng dẫn hoặc phản hồi.	50%	73,3%	?
3	Tôi thường lơ mơ hoặc ngủ gật.	50%	60,0%	?
4	Tôi ngồi đếm thời gian đến khi kết thúc giờ học.	53,3%	73,3%	?

a. Phép kiểm chứng t-test, Khi bình phương: xác định xem chênh lệch giữa số liệu của hai nhóm **khác nhau** có khả năng xảy ra ngẫu nhiên hay không.

➤ giá trị p: xác xuất xảy ra ngẫu nhiên.

Giá trị p	Giá trị trung bình của 2 nhóm
$\leq 0,05$	Chênh lệch <b>CÓ</b> ý nghĩa
$> 0,05$	Chênh lệch <b>KHÔNG</b> có ý nghĩa

# Ví dụ:

Lớp	Số HS	Điểm TB
Lớp thực nghiệm	15	6,8
Lớp đối chứng	15	5,46

P< 0,05

		Năm 1	Năm 2	
1	Tôi luôn chăm chú.	80%	96,8%	P< 0,05
2	Tôi không lãng phí thời gian ngồi chờ GV hướng dẫn hoặc phản hồi.	50%	73,3%	P< 0,05
3	Tôi thường lơ mơ hoặc ngủ gật.	50%	60,0%	P> 0,05
4	Tôi ngồi đếm thời gian đến khi kết thúc giờ học.	53,3%	63,3%	P> 0,05

# Chương 4

## CÁCH TRÌNH BÀY MỘT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1. Cách trình bày một khóa luận tốt nghiệp
2. Cách trình bày kết quả nghiên cứu khi bảo vệ khóa luận tốt nghiệp
3. Cách trình bày một bài báo

# Cách trình bày khóa luận tốt nghiệp

(tr. 141-153)

- Trang bìa
- Trang phụ bìa
- Mục lục
- Danh mục các chữ viết tắt; bảng; hình vẽ, đồ thị
- Mở đầu
- Nội dung: các chương
- Kết luận và kiến nghị
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục

# Cách trình bày kết quả nghiên cứu khi bảo vệ



- Tránh:
  - Trình bày quá dài
  - Đọc
  - Nhìn vào các slides
- Nên:
  - Soạn sẵn những câu cần phải nói, giải thích
  - Nhìn vào người nghe
  - Bắt đầu bằng những câu ngắn, đi từ tổng quát đến chi tiết
  - In ra sẵn nội dung cần trình bày
  - Luyện tập nhiều lần

# Cách trình bày một bài báo

- Cấu trúc phổ biến:
  - Tên bài báo
  - Tên tác giả
  - Tóm tắt
  - Từ khóa
  - Dẫn nhập
  - Phương pháp nghiên cứu
  - Kết quả nghiên cứu
  - Kết luận và kiến nghị
  - Tài liệu tham khảo